TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HQ** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2021/HS-ST
Ngày 17 - 12 – 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HQ, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Úy

Ông Đàm Danh Tuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thiết - Thư ký Toà án nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Hà Phúc C (tên gọi khác: TP), sinh ngày 15/5/1997 tại thị trấn TN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Nơi cư trú: tổ dân phố x, thị trấn TN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Đức G, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Tô Thị K (bỏ nhà đi sau khi sinh C), mẹ nuôi: bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; vợ, con: chưa có; tiền án: 02 tiền án, ngày 21/8/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố CB xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 08/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố CB xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Nhân thân: Ngày 13/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện TN (nay là Tòa án nhân dân huyện HQ) xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Nông Văn V, sinh ngày 22/6/1998; Địa chỉ: xóm TT, xã TL, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lục Thị T, sinh ngày 15/3/1976; Địa chỉ: xóm TT, xã TL, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/7/2018, Hà Phúc C bị tạm giữ vì có hành vi trộm cắp tài sản của ông Triệu Trung P vào ngày 08/7/2018 xóm LT, xã BL, huyện TN nay là xóm LL, xã TL, huyện HQ. Quá trình điều tra vụ Trộm cắp tài sản, ngày 28/8/2021, công an huyện TN nay là Công an huyện HQ tiếp nhận đơn của anh Nông Văn V trú tại xóm MM, xã TL, huyện TN nay là xóm TT, xã TL, huyện HQ tố giác Hà Phúc C có hành vi mượn xe mô tô từ đầu tháng 5/2018 nhưng đến nay không trả.

Qua điều tra C khai nhận: Khoảng đầu tháng 5/2018, C vào chơi với Nông Văn V đang trọ tại phường H, thành phố CB. C ngủ qua đêm tại phòng của V, đến sáng hôm sau, C hỏi mượn V chiếc xe mô tô BKS 11B1 – xxx để đi về nhà tại thị trấn TN, V đồng ý. Khi C đi về đến xã BT, huyện HA thì bị Công an huyện HA tạm giữ xe vì C không có giấy phép lái xe, C có chụp ảnh bị xử phạt gửi cho V, C tiếp tục bắt xe khách về nhà. Một tuần sau, C ra thành phố CB rồi chơi ở quán điện tử, tại đây, C gặp T (thường gọi là T Chút), C hỏi mượn T 1.000.000 đồng để đi nộp phạt chiếc xe mô tô, T đồng ý. Sau khi lấy được xe, C chở T xuống một nhà nghỉ ở thành phố CB và C lại tiếp tục đi chơi điện tử. T nhắn tin qua Facebook bảo C đến đón, C đến nhà nghỉ đón T thì T hỏi mượn C xe đi đón bạn. T lấy xe đi khoảng 30 phút thì sau quay lại và nói với C là đã mang xe mô tô đi cầm cố ở một tiệm cầm đồ tại Xxx, thành phố CB được 6.000.000 đồng, bảo mấy hôm nữa thì trả xe lại cho C đồng thời đưa cho C số tiền 300.000 đồng. C lại tiếp tục dùng số tiền 300.000 đồng để đi chơi điện tử.

Sau khi C mượn xe, V nhiều lần gọi điện, nhắn tin bảo C trả xe, C luôn tìm cách nói dối, lúc thì nói là đưa người yêu đi Hà Nội, lúc thì hứa vài hôm sau thì trả nhưng không thực hiện trả xe cho V. Đến tháng 6/2018 thì C cắt đứt liên lạc với V.

Sau khi T đem xe đi cầm cố, C nhiều lần liên lạc với T để yêu cầu T trả xe, nhưng C không liên lạc được với T. Vì vậy, khi V gọi điện, nhắn tin yêu cầu C trả xe thì C đã cắt đứt liên lạc với V.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TN nay là huyện HQ đã tiến hành truy tìm chiếc xe mô tô nhưng đến nay chưa có kết quả.

Bản kết luận định giá số 09/KL-ĐGTS ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện TN (nay là Ủy ban nhân dân huyện HQ Kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 11B1 – 039.92 có giá trị còn lại là 5.400.000 đồng.

Ngày 17/9/2018, Công an huyện TN nay là Công an huyện HQ nhập vụ án vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào vụ án Trộm cắp tài sản. Đến ngày

21/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện HQ ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSHQ, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Hà Phúc C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Phúc C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu không bổ sung gì thêm.

Bị hại Nông Văn V có lời khai xác định, V và C quen biết nhau là bạn bè, vào đầu tháng 5/2018, V cho C mượn xe mô tô BKS 11B1-XXX để C đi về nhà tại thị trấn TN. Sau đó, V nhiều lần gọi điện, nhắn tin để yêu cầu C trả lại xe, C đã hứa hẹn trả xe nhiều lần nhưng không thực hiện. Từ tháng 6/1018 V bị C cắt đứt liên lạc. Biết C bị bắt về tội Trộm cắp tài sản nên ngày 28/8/2018, V làm đơn trình báo sự việc đến Công an huyện TN nay là Công an huyện HQ. Hiện tại, C vẫn chưa trả xe cho V và chưa bồi thường, tại phiên tòa, bị hại V yêu cầu bị cáo C bồi thường giá trị chiếc xe theo như kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản là 5.400.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lục Thị T có lời khai xác định, bà là mẹ đẻ của Nông Văn V. Năm 2014, bà có nhờ anh Nam là em ruột của chồng bà ra thành phố CB mua cho V một chiếc xe mô tô để V đi học, sau khi học xong, V tiếp tục sử dụng chiếc xe để đi làm. Khoảng tháng 5/2018, V gọi điện thoại về nhà báo với bà là C đã mượn xe đi nhưng chưa trả. Khi V về nhà vào dịp rằm tháng 7 năm 2018 thì bà bảo với V lên trình báo sự việc với Cơ quan Công an huyện. Bà xác định chiếc xe mô tô BKS 11B1 – xxx là bà mua cho V, vì vậy V có toàn quyền sở hữu chiếc xe, bà không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo C nhất trí bồi thường cho bị hại V giá trị chiếc xe là 5.400.000 đồng và hẹn với bị hại V khi nào chấp hành án trở về địa phương sẽ đi làm để trả tiền cho V.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo C, sau khi đánh giá, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Phúc C phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; đề nghị áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 175; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Phúc C từ 24 tháng đến 30 tháng tù giam. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị căn cứ các điều 584; 585; 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Buộc bị cáo C phải bồi thường cho bị hại V số tiền 5.400.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo C phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện TN nay là Công an huyện HQ đã vi phạm về thời hạn điều tra theo Điều 172 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Các hành vi, quyết định khác của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về thẩm quyền xét xử, bị cáo Hà Phúc C bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản tại huyện TN nay là huyện HQ, quá trình điều tra vụ án Trộm cắp tài sản, bị cáo C bị tố giác về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra tại thành phố CB, vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện TN nay là huyện HQ ra Quyết định nhập, tách vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ truy tố, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện HQ xét xử là đúng theo Điều 170; Điều 269 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xác định được: Vào đầu tháng 5/2018 tại thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Hà Phúc C đã mượn xe chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 11B1 – xxx của bị hại V để về nhà ở thị trấn TN, huyện HQ, V đã đồng ý. Khi C về đến xã BT, huyện HA thì Công an huyện HA tạm giữ chiếc xe do C không có giấy phép lái xe. Một tuần sau, C ra thành phố chơi, C gặp Trần Duy T và hỏi mượn T 1.000.000 đồng để đi nộp phạt lấy chiếc xe mô tô của V về. Tiếp đó, T lại hỏi V mượn xe, V đưa xe cho T, sau 30 phút thì T quay về báo với C là đã đi cầm cố xe được 6.000.000 đồng, T đưa cho C 300.000 đồng và hẹn vài hôm nữa thì đem xe trả cho C nhưng sau đó C không liên lạc được với T để yêu cầu T trả xe. Vì vậy, khi V yêu cầu C trả xe thì C nhiều lần gian dối, lúc nói là đang đưa người yêu đi Hà Nội, khi thì hẹn vài hôm nữa sẽ trả nhưng đều không thực hiện, đến khi C mất liên lạc với T thì C đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với V để V không có cơ hội yêu cầu C trả xe nhằm chiếm đoạt chiếc xe của V. Chiếc xe có giá trị còn lại là 5.400.000 đồng. Hành vi có được tài sản hợp pháp, sau đó dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản này của bị cáo Hà Phúc C đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hà Phúc C đã từng 02 lần bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản, là các năm 2015, 2016. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2016/HSST ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố CB, bị cáo Hà Phúc C đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo điểm g, khoản 1,

Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015), tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo C thuộc trường hợp tăng nặng định khung "tái phạm nguy hiểm" theo điểm g, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HQ, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo Hà Phúc C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm g, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điểm g, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm"

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do ham chơi, lười lao động, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính mà bị cáo cố ý phạm tội, cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo ham chơi, lười lao động, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, bị cáo bị 03 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản là các năm 2015, 2016, 2018. Hiện tại bị cáo vẫn chưa được xóa án tích nên xác định bị cáo có

nhân thân xấu.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại V giá trị chiếc xe là 5.400.000 đồng; Xét thấy sự tự nguyện bồi thường của bị cáo với yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584; 585; 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho bị hại V số tiền 5.400.000 đồng.

[8] Về hình phạt chính: Xét thấy, bị cáo đã nhiều lần bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu, do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện bản thân, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo "còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, không đảm bảo thi hành án, vì vậy, không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 11B1 – xxx, là chiếc xe bà Lục Thị T là mẹ đẻ của bị hại V mua cho V vào năm 2014 để V đi học, khi không còn học nữa thì V sử dụng để đi làm, bà xác định V là người sở hữu chiếc xe. Theo lời khai của bị cáo C, chiếc xe mô tô BKS 11B1 – 039.92 Trần Duy T đã đem đi cầm cố tại một tiệm cầm đồ tại Xxx, thành phố CB, quá trình điều tra Công an huyện HQ đã ra thông báo truy tìm xe máy vật chứng, nhưng đến nay chưa có kết quả kìm kiếm, tại phiên tòa, bị cáo cũng đã nhất trí bồi thường cho bị hại giá trị chiếc xe, do đó, Tòa án không có cơ sở để xem xét.

[11] Đối với Trần Duy T (còn gọi là T Chút), cơ quan điều tra Công an huyện HQ đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng T không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không biết; Cơ quan điều tra Công an huyện HQ đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay vẫn không có tin tức của T, vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét; Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Hà Phúc C vào ngày 08/7/2018 đã được Tòa án nhân dân huyện TN (nay là Tòa án nhân dân huyện HQ) xét xử, bị cáo đã chấp hành bản án xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo Hà Phúc C bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại V nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự .

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g, khoản 2, Điều 175; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584; 585; 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Phúc C (tên gọi khác TP) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hà Phúc C (tên gọi khác TP) 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Hà Phúc C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hà Phúc C (tên gọi khác TP) phải bồi thường cho anh Nông Văn V (sinh ngày 22/6/1998; Địa chỉ: xóm TT, xã TL, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng) số tiền 5.400.000đ (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Phúc C (tên gọi khác TP) phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản bán, quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện HQ, tỉnh Cao Bằng;
- Công an huyện HQ, tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện HQ, tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA